



Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: Mực Nhuộm Thăng Hoa
Vàng huỳnh quang Sb410 T
An Toàn: 037-W382236
Ngày thiết lập: 2017/05/12
Ngày sửa đổi: 2026/08/28

* * *Mục 1 - LAI LỊCH* * *

Định Danh Sản Phẩm: Mực Nhuộm Thăng Hoa Vàng huỳnh quang Sb410 T

Mô Tả Sản Phẩm: SB410-FYT-2L

Công dụng của sản phẩm

Mực máy in phun

Các Giới Hạn Sử Dụng

Chưa biết.

Thông tin về nhà sản xuất

Mimaki Engineering Co., Ltd
2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano
389-0512 Japan

Số Điện Thoại: +81-268-64-2413

Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)
+65 3158 1074

* * *Mục 2 - THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN* * *

CAS	thành phần	phần trăm
7732-18-5	nước	50-65
111-46-6	DIETYLEN GLYCOL	10-30
56-81-5	GLYCERIN	1-15
Bí mật Thương mại	Vật liệu sơn	1-10
Bí mật Thương mại	Khác	<10
Không có	Chất bảo quản	<0.5

* * *Mục 3 – NHẬN DẠNG NGUY CƠ* * *

Phân Loại theo GHS

Ăn Mòn/Kích Ứng Da, Nhóm 2

Tổn Thương Mắt/Kích Ứng Mắt Nghiêm Trọng, Nhóm 2A

Chất gây mẩn cảm da, Nhóm 1

Độc sinh sản, Nhóm 2

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều lần, Nhóm 1 (thận và gan)

THÀNH PHẦN NHÃN GHS

(Các) Ký Hiệu



Bản Thông Tin An Toàn

Từ Cảnh Báo

NGUY HIỂM

(Các) Tiêu Ngữ Hiểm Họa

H315 Gây kích ứng da.

H319 Gây kích ứng mạnh cho mắt.

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

H361 Nghi ngờ gây tổn hại cho khả năng sinh sản hoặc cho thai nhi.

H372 Gây tổn thương thận và gan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

(Các) Tiêu Ngữ Đề Phòng

Phòng ngừa

P201 Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P202 Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng cho an toàn.

P260 Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.

P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.

P280 Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/phương tiện bảo vệ mặt.

P264 Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác.

P272 Quần áo làm việc đã bị nhiễm không được mang ra ngoài nơi làm việc.

Ứng phó

P308+P313 NẾU bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.

P302+P352 KHI BỊ ĐÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.

P333+P313 Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.

P362 Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

P305+P351+P338 NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

P337+P313 Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.

Bảo quản

P405 Bảo quản trong tình trạng khóa chặt.

Thải bỏ

P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các Hiểm Họa khác không Dẫn Đến phải Phân Loại

Chưa biết.

* * *Mục 4 - Các Biện Pháp Sơ Cứu* * *

hít phải

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc bác sĩ.

da

Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc. Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

mắt

Rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.

ăn phải

Nếu nuốt phải, tìm y tế chăm sóc.

Bản Thông Tin An Toàn

Bác sĩ cần lưu ý

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Triệu chứng: Tức Thờì

dị ứng da, kích ứng da, kích ứng mắt

Triệu chứng: Chạm Xảy Ra

dị ứng da, các tác dụng trên sinh sản, tổn thương thận, tổn thương gan

Mục 5 - Các Biện Pháp Chữa Cháy

Chất Chữa Cháy Phù Hợp

cacbon dioxyt, hóa chất khô thông thường, nước xịt, bột chịu alcol

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không sử dụng dòng nước phun áp lực cao.

Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất

Hiểm họa cháy không đáng kể.

Trang Bị Bảo Hộ và Biện Pháp Đề Phòng Đặc Biệt cho Nhân Viên Chữa Cháy

Sử dụng trang phục bảo hộ chữa cháy đầy đủ kể cả thiết bị thở độc lập (SCBA) để bảo vệ chống khả năng bị tiếp xúc.

Các Biện Pháp Chữa Cháy

Đưa thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không gặp nguy hiểm. Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao. Làm nguội dụng cụ đựng bằng nước cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc. Tránh xa các đầu của bồn chứa. Tránh hít phải vật liệu hoặc các sản phẩm phụ của quá trình cháy.

Các Sản Phẩm Cháy Gây Nguy Hiểm

Cháy: oxyt của cacbon, các oxyt của lưu huỳnh, acrolein

Mục 6 - Các Biện Pháp Xử Lý Rò Rĩ Bất Ngờ

Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân, Trang Bị Bảo Hộ và Quy Trình Xử Lý Khẩn Cấp

Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8.

Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường

Tránh thải ra môi trường.

Các Phương Pháp và Vật Liệu dùng để Ngăn Chặn và Làm Sạch

Loại bỏ mọi nguồn lửa nếu có thể thực hiện được an toàn. Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể làm được mà không bị nguy hiểm cho người. Làm giảm bốc hơi bằng cách xịt nước.

Các Phương Pháp Làm Sạch

Lượng tràn đổ nhỏ: Dùng cát hoặc vật liệu không cháy khác để thấm hút. Thu gom vật liệu bị tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để thải bỏ. **Lượng tràn đổ lớn:** Ngăn chặn thu gom để thải bỏ sau này. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.

Mục 7 - Thao Tác và Bảo Quản

Các biện pháp đề phòng cho Thao Tác An Toàn

Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng cho an toàn. Không hít hơi hoặc sương. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Sử dụng găng tay/trang phục và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác. Quần áo làm việc đã bị nhiễm không được mang ra ngoài nơi làm việc.

Các điều kiện Bảo Quản An Toàn, kể cả mọi Chất Tương Ky

Bản Thông Tin An Toàn

Bảo quản và xử lý theo tất cả các quy định và tiêu chuẩn hiện hành. Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Giữ mát. Bảo quản trong tình trạng khóa chặt.

Các chất tương kỵ: axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, oxyt kim loại, peoxit, chất khử, vật liệu có thể cháy, halocacbon, kim loại, muối kim loại

* * *Mục 8 - KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN* * *

Giới Hạn Tiếp Xúc Của Thành Phần

DIETYLEN GLYCOL (111-46-6)

AIHA: 10 mg/m3 TWA

GLYCERIN (56-81-5)

OSHA: 15 mg/m3 Đo trung bình theo thời gian (sương, tổng hạt); 5 mg/m3 Đo trung bình theo thời gian (sương, phần có thể hít)

Các Giá Trị Giới Hạn Sinh Học Của Thành Phần

Không có giá trị giới hạn sinh học nào cho (các) thành phần của sản phẩm này.

Các Biện Pháp Kiểm Soát Kỹ Thuật Phù Hợp

Cung cấp phương tiện hút thoát khí tại chỗ hoặc hệ thống thông khí cho buồng kín của quy trình làm việc. Bảo đảm tuân thủ các giới hạn tiếp xúc hiện hành.

Các Biện Pháp Bảo Vệ Cá Nhân, như Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Mắt/Mặt

Đeo kính an toàn chống văng bắn có bộ phận che mặt. Cung cấp điểm rửa mắt khẩn cấp và tắm ướt nhanh ngay cạnh khu vực làm việc.

Trang Phục Bảo Hộ

Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp.

Các đề nghị về găng tay

Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tham khảo ý kiến của người có chuyên môn về sức khỏe và an toàn để được biết các thiết bị thở phù hợp với việc sử dụng của quý vị.

* * *Mục 9 - TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC* * *

Trạng Thái Vật Lý:	chất lỏng	Ngoại quan:	vàng chất lỏng
Màu:	vàng	Dạng Vật Lý:	chất lỏng
Mùi:	mùi đặc trưng	Ngưỡng Phát Hiện Mùi:	Không có
pH:	7-9	Điểm Chảy:	Không có
Điểm Sôi:	Không có	Điểm Chớp Cháy:	Không dễ cháy
Nhiệt Độ Phân Hủy:	Không có	Tốc Độ Bay Hơi:	Không có
LEL (Giới hạn tiếp xúc dưới):	Không có	UEL (Giới hạn tiếp xúc trên):	Không có
Áp Suất Hơi:	Không có	Tỷ Khối Hơi (không khí = 1):	Không có
Tỷ trọng:	Không có	Khối Lượng Riêng (nước = 1):	1-1.2 (25 °C)
Độ Tan Trong Nước:	dễ tan	log Kow (logarit của hệ số phân tách octanol - nước):	Không có
Hệ Số Phân Bối Trong Nước/Dầu:	Không có	Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy:	Không có



Định Danh Sản Phẩm: Mực Nhuộm Thăng Hoa
Vàng huỳnh quang Sb410 T
An Toàn: 037-W382236
Ngày thiết lập: 2017/05/12
Ngày sửa đổi: 2026/08/28

Bản Thông Tin An Toàn

Độ Nhớt:	4-6 mPas (25 °C)	Khả năng bay hơi:	Không có
Tính Chất Oxy Hóa:	Không có	Tính Chất Nổ:	Không có
Khả năng cháy (rắn, khí):	Không áp dụng		

Thông Tin Về Tính Chất Khác

Không có thông tin thêm.

*****Mục 10 - ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG*****

Khả năng phản ứng

Dự kiến sẽ không có hiểm họa do khả năng phản ứng.

Độ bền hóa học

Bền trong các điều kiện sử dụng bình thường.

Các điều kiện cần Tránh

Tránh ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Tránh tiếp xúc với vật liệu tương kỵ.

Khả Năng Phản Ứng Nguy Hiểm

Sẽ không polyme hóa.

Các Vật Liệu Tương Kỵ

axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, oxyt kim loại, peoxit, chất khử, vật liệu có thể cháy, halocacbon, kim loại, muối kim loại

Sản Phẩm Phân Hủy Gây Nguy Hiểm:

Cháy: oxyt của cacbon, các oxyt của lưu huỳnh, acrolein

*****Mục 11 - Thông Tin Về Độc Tính*****

Độc Tính Lâu Dài và Cấp Tính

Phân Tích Thành Phần - LD50/LC50

(Các) thành phần của vật liệu này đã được kiểm tra lại ở nhiều nguồn khác nhau và các tiêu chí đánh giá được chọn sau đây đã được công bố:

nước (7732-18-5)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) >90 mL/kg

DIETYLEN GLYCOL (111-46-6)

LD50 (liều bán tử) qua da thỏ 11890 mg/kg; LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 12565 mg/kg

GLYCERIN (56-81-5)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 12600 mg/kg; LD50 (liều bán tử) qua da thỏ >10 g/kg; LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp chuột (rat) >570 mg/m³ 1 h

Các Tác Dụng Tức Thời

dị ứng da, kích ứng da, kích ứng mắt

Các Tác Dụng Chậm Xảy Ra

dị ứng da, các tác dụng trên sinh sản, tổn thương thận, tổn thương gan

Dữ liệu về Khả năng Kích ứng/Ăn mòn

kích ứng da, kích ứng mắt

Chất Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp

Không có thông tin về sản phẩm.

Chất Gây Mẫn Cảm Da

Có thể gây dị ứng da



Định Danh Sản Phẩm: Mực Nhuộm Thăng Hoa
Vàng huỳnh quang Sb410 T
An Toàn: 037-W382236
Ngày thiết lập: 2017/05/12
Ngày sửa đổi: 2026/08/28

Bản Thông Tin An Toàn

Khả năng gây ung thư

Khả Năng Gây Ung Thư Của Thành Phần

Không có dữ liệu nào được ACGIH, IARC, NTP, DFG hoặc OSHA liệt kê trong danh mục cho (các) thành phần của sản phẩm này.

Dữ liệu về Gây Đột Biến Gen

Không có thông tin về sản phẩm.

Dữ liệu Về Các Tác Dụng Trên Sinh Sản

Nghi ngờ gây vô sinh hoặc giảm khả năng sinh sản hoặc cho thai nhi.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần

Chưa xác định được cơ quan đích nào.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần

thận, gan

hiểm họa hít phải

Không được xem là hiểm họa hít phải.

Các Bệnh Sẽ Nặng Thêm khi Tiếp Xúc

Không có thông tin về sản phẩm.

* * *Mục 12 - Thông Tin Về Sinh Thái* * *

Độc Tính Cho Môi Trường Nước

DIETYLEN GLYCOL (111-46-6)

Cá: 96 Hr LC50 Pimephales promelas: 75200 mg/L [chưa qua]

Động vật không xương sống: 48 Hr EC50 Daphnia magna: 84000 mg/L

GLYCERIN (56-81-5)

Cá: 96 Hr LC50 Oncorhynchus mykiss: 51 - 57 mL/L [Tinh]

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả Năng Tích Tụ Sinh Học

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng di chuyển trong Chất Mang Của Môi Trường

Không có thông tin về sản phẩm.

* * *Mục 13 - XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ* * *

Các Phương Pháp Thải Bỏ

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.

* * *Mục 14 - THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN* * *

Thông tin về IATA

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ICAO

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ADR

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về IMDG

Bản Thông Tin An Toàn

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

*****Mục 15 - Thông Tin Về Quy Định*****

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP, sản phẩm đã được rà soát đối với các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Kết quả rà soát:

- Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cấm: Không có thành phần nào thuộc danh mục.

*****Mục 16 - Thông Tin Khác*****

Chú Dẫn/Chú Giải

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN (EINECS) - Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hữu của châu Âu; ELN (ELINCS) - Danh Mục Hóa Chất Đa-Được Thông Báo của Châu Âu; IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; Mã IBC - Mã Quốc Tế của Hóa Chất Khối Lượng Lớn; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; LC50 - Nồng Độ Tử Vong, 50%; LD50 - Liều Tử Vong, 50%; LEL - Giới Hạn Nổ Dưới; LOLI - Danh mục của các danh mục™ - Cơ sở dữ liệu các quy định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; NTP - Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế Hóa Chất; RID - Vận Chuyển Đường Sắt Châu Âu; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nổ Trên

Thông tin khác

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.

Kết thúc Bản Thông Tin 037-W382236